

Bản tin thuế

Tháng 10 năm 2021

Bản tin này cập nhật những điểm chính sau:

- Nghị quyết mới về một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân chịu tác động của đại dịch COVID-19.
- Thông tư mới quy định về hóa đơn, chứng từ.
- Thông tư mới hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Nghị quyết ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân chịu tác động của đại dịch COVID-19

Tại phiên họp thứ 3 (tháng 09 năm 2021), Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua một Nghị quyết (sau đây gọi là “Nghị quyết”) ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân chịu tác động của đại dịch COVID-19. Bộ Tài chính (BTC) đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Nghị quyết.

Ngày 18 tháng 09 năm 2021, BTC ban hành công văn 10771/BTC-CST lấy ý kiến các bộ, ngành có liên quan về dự thảo Nghị định. Dự thảo Nghị định được bố cục gồm 5 điều, cụ thể:

- Điều 1. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)
- Điều 2: Miễn thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
- Điều 3. Giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT)
- Điều 4. Miễn tiền chậm nộp
- Điều 5. Hiệu lực thi hành

Giảm thuế TNDN

Quy định về giảm thuế TNDN được thực hiện trên cơ sở kế thừa các quy định tại Nghị quyết 116/2020/QH14 về giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Điều kiện được hưởng giảm thuế TNDN vẫn là cho các doanh nghiệp có tổng doanh thu trong năm không quá 200 tỷ đồng (giống như Nghị quyết 116), và bổ sung thêm điều kiện là tổng doanh thu 2021 giảm so với tổng doanh thu 2019.

Miễn thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Miễn thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế GTGT và các loại thuế khác phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý III và quý IV của năm 2021 đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong mọi ngành nghề, địa bàn.

Giảm thuế GTGT

Giảm thuế GTGT từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với doanh nghiệp, tổ chức có hàng hóa, dịch vụ thuộc một số ngành nghề kinh tế, và được thể hiện trên hóa đơn từ ngày 1 tháng 10 năm 2021, trong đó:

- Doanh nghiệp, tổ chức thực hiện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ được giảm 30% mức thuế suất thuế GTGT.
- Doanh nghiệp, tổ chức thực hiện nộp thuế theo phương pháp trực tiếp, tỷ lệ trên doanh thu được giảm 30% mức tỷ lệ để tính thuế GTGT.

Giảm thuế GTGT đối với doanh nghiệp, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành kinh tế, bao gồm:

(i) Các hoạt động: Vận tải (vận tải đường sắt, vận tải đường thủy, vận tải hàng không, vận tải đường bộ khác); Dịch vụ lưu trú; Dịch vụ ăn uống; Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

(ii) Các hoạt động: Hoạt động xuất bản; Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc; Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí. Các hoạt động trong nhóm (ii) không bao gồm hoạt động xuất bản phần mềm và các hàng hóa, dịch vụ thực hiện trên nền tảng trực tuyến.

Trường hợp Nghị định chưa được ban hành trước ngày 01 tháng 10 năm 2021, dự kiến Bộ Tài chính sẽ ban hành công văn hướng dẫn cục thuế các tỉnh, thành phố về việc lập hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT

Miễn tiền chậm nộp

Miễn tiền chậm nộp phát sinh năm 2020 và 2021 của các khoản nợ tiền thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với doanh nghiệp (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) phát sinh lỗi trong năm 2020. Lỗi phát sinh trong kỳ tính thuế năm 2020 được xác định theo quy định về thuế TNDN.

Hiệu lực thi hành

Dự kiến Nghị định có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

Thông tư số 78/2021/TT-BTC ban hành ngày 17 tháng 09 năm 2021 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Thông tư số 78/2021/TT-BTC giới thiệu một số nội dung đáng chú ý như sau:

- Tái khẳng định việc áp dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP từ ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tuy nhiên, trước ngày thông tư này có hiệu lực (ngày 1 tháng 07 năm 2022), trên cơ sở đánh giá và đề nghị của Tổng cục thuế (TCT), BTC ban hành quyết định các địa bàn đáp ứng điều kiện cơ sở hạ tầng để triển khai hóa đơn điện tử quy định tại thông tư này. Cơ sở kinh doanh trên địa bàn đáp ứng điều kiện hạ tầng về công nghệ thông tin có trách nhiệm thực hiện theo lộ trình thông báo của cơ quan thuế, và theo đó có thể phải áp dụng hóa đơn điện tử trước ngày 1 tháng 07 năm 2022.
- Quy định về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử theo đó bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế theo Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP.
- Thông tư giải thích nội dung cấu tạo của ký hiệu hóa đơn điện tử, đây cũng là dấu hiệu nhận biết các hóa đơn điện tử được phát theo thông tư này.
- Hướng dẫn việc xử lý khi có sai sót trong việc gửi dữ liệu HĐĐT tới cơ quan thuế.
- Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 07 năm 2022

Bộ Tài chính mới ban hành Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 (Thông tư 80) hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ. Một số nội dung mới, nổi bật như sau:

1. Thông tư 80 hướng dẫn về khai thuế, tính thuế, quyết toán thuế, các trường hợp phân bổ, phương pháp phân bổ thuế phải nộp cho các tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nộp thuế cho từng sắc thuế khác nhau: GTGT, tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, TNDN, TNCN. Những vấn đề này được quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16, 17, 19.
 - Bỏ quy định về khai thuế GTGT với cơ quan thuế quản lý tại địa phương đối với hoạt động bán hàng vắng lại ngoại tỉnh.
 - Với hoạt động chuyển nhượng bất động sản và hoạt động kinh doanh xây dựng tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế (NNT) có trụ sở chính (TSC), tỷ lệ phân bổ thuế GTGT giảm xuống 1% thay vì 2% như quy định trước đây (Khoản 2b, 2c, Điều 13).
 - Không còn quy định về việc khai nộp thuế TNDN tại địa phương nơi người nộp thuế có đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập. Hiện chưa rõ xử lý thuế với trường hợp này sẽ như thế nào.
 - Với phân bổ thuế TNDN cho địa bàn cấp tỉnh khác với nơi đóng TSC nơi NNT có cơ sở sản xuất (đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh), quy định chi phí để xác định tỷ lệ phân bổ là chi phí thực tế phát sinh của kỳ tính thuế (Khoản 2c, Điều 17).
 - Đối với cơ sở sản xuất (đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) được hưởng ưu đãi thuế TNDN: Thực hiện khai thuế dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi được hưởng (Khoản 2c, Điều 17).

- Thống nhất về tỷ lệ tạm nộp hàng quý và quyết toán cho địa phương nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản là 1% trên doanh thu tính thuế TNDN cho tất cả hoạt động chuyển nhượng bất động sản (gồm cả hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà theo dự án để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ). Điều này nghĩa là không còn quy định trường hợp tính trên doanh thu trừ chi phí như trước đây nữa. Doanh nghiệp không phát sinh thường xuyên hoạt động chuyển nhượng bất động sản sẽ không còn khai thuế TNDN tạm tính theo từng lần phát sinh chuyển nhượng bất động sản như trước nữa. Số thuế đã tạm nộp trong năm tại các tỉnh được bù trừ với số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quyết toán tại TSC (Khoản 2b, 3b, Điều 17).
- Đối với thuế TNCN trên tiền lương tiền công, người sử dụng lao động xác định riêng số thuế thu nhập cá nhân phải phân bổ nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân làm việc tại từng tỉnh theo số thuế thực tế đã khấu trừ của từng cá nhân.
- Về nộp thuế, NNT chỉ lập một chứng từ nộp tiền để nộp tiền vào ngân sách nhà nước (NSNN) cho từng tỉnh và nộp tại trụ sở chính. Kho bạc Nhà nước nơi tiếp nhận chứng từ nộp thuế của người nộp thuế sẽ hạch toán khoản thu cho từng địa bàn cấp tỉnh nơi được nhận khoản thu phân bổ (Khoản 4, Điều 12).

2. Hoàn thuế/ Bù trừ thuế

- Bổ sung quy định về trường hợp hoàn thuế GTGT/ thuế TNDN nộp thừa với NNT có hoạt động chuyển nhượng bất động sản hoặc hoạt động kinh doanh xây dựng tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính (Khoản 1g, Điều 45).
- Với tổ chức giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động: thông tư bổ sung hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ xin hoàn thuế GTGT/ hoàn nộp thừa đối với một số tình huống cụ thể (Điều 31, Khoản 1c, Điều 33).
- Thông tư hướng dẫn chi tiết về hồ sơ đề nghị hoàn thuế (Điều 28, 29, 30, 31).
- Nếu số thuế GTGT đã được hoàn không đúng quy định nhưng đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ vẫn được khai khấu trừ kể từ kỳ tính thuế tiếp theo kỳ phát hiện sai sót hoặc được khai vào kỳ tính thuế nhận được quyết định thu hồi hoàn thuế của cơ quan thuế hoặc quyết định, văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Khoản 4, Điều 40).
- Tiền thuế nợ do cơ quan hải quan cung cấp (trừ tiền phí, lệ phí hải quan) được bù trừ với số số thuế được hoàn/ tiền nộp thừa được hoàn (Khoản 2b, Điều 34).
- Số thuế được hoàn/ nộp thừa tại trụ sở chính được bù trừ với số tiền thuế nợ của các đơn vị phụ thuộc và ngược lại (Khoản 2d, Điều 34).
- NNT có số được hoàn/ nộp thừa, sau khi đã bù trừ số tiền thuế nợ của NNT, có thể đề nghị cơ quan thuế trích số tiền thuế thừa còn lại để nộp thay tiền thuế nợ cho người nộp thuế khác (Khoản 2đ, Điều 34).
- Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục cơ quan thuế xử lý tất toán khoản nộp thừa của NNT quá thời hạn 10 năm trên sổ kế toán và của NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (Khoản 2, 3, Điều 26).
- NNT sẽ không phải nộp chứng từ nộp thuế có xác nhận của Kho bạc nhà nước (KBNN), Ngân hàng thương mại (NHTM) cho mục đích xin hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Thay vào đó, NNT có thể nộp Bảng kê chứng từ nộp thuế theo mẫu (Điểm b5, Khoản 1, Điều 30).
- Thu hồi hoàn thuế (Khoản 1, 2 Điều 40, Điều 50):

- Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền qua thanh tra, kiểm tra phát hiện NNT đã được hoàn không đúng quy định thì NNT phải nộp số tiền đã được hoàn thừa và nộp tiền chậm nộp kể từ ngày được KBNN chi trả tiền hoàn hoặc ngày KBNN hạch toán bù trừ tiền hoàn thuế với một khoản nghĩa vụ khác;
- Trường hợp NNT tự phát hiện đã được hoàn không đúng quy định thì phải thực hiện khai bổ sung theo quy định, đồng thời nộp số tiền đã được hoàn thừa và nộp tiền chậm nộp kể từ ngày được KBNN chi trả tiền hoàn hoặc ngày KBNN hạch toán bù trừ tiền hoàn thuế với một khoản nghĩa vụ khác

3. Kiểm tra thuế

- Không nhất thiết phải tiến hành kiểm tra tại trụ sở của NNT nếu NNT đáp ứng điều kiện để sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin (Khoản 7, Điều 72).
- Thông tư bổ sung quy định về giám sát hoạt động đoàn kiểm tra thuế tại trụ sở của NNT (Khoản 6, Điều 72).
- Dự thảo biên bản kiểm tra cần được công bố công khai trước đoàn kiểm tra và NNT. NNT có thể có ý kiến giải trình, nhưng phải hoàn thiện và ký biên bản kiểm tra trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Sau đó, nếu NNT vẫn có ý kiến thì được ghi tại biên bản hoặc lưu cùng biên bản đã ký (Điểm đ1, Khoản 7, Điều 72).
- Với kiểm tra hồ sơ thuế tại trụ sở cơ quan thuế, cơ quan thuế thông báo NNT giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu không quá hai lần đối với mỗi cuộc kiểm tra (Khoản 4, Điều 71). Trước đây không có quy định số lần tối đa như vậy.
- Kế hoạch kiểm tra hàng năm (kể cả kế hoạch sau điều chỉnh) được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan thuế hoặc thông báo cho NNT và cơ quan thuế trực tiếp quản lý NNT (thông báo bằng văn bản hoặc điện thoại hoặc thư điện tử) chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch kiểm tra (Khoản 4, Điều 72).

4. Một số vấn đề khác

- Điều chỉnh giảm tiền chậm nộp (khoản 3, Điều 21).
 - Nếu NNT khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp thì NNT tự xác định số tiền thuế chậm nộp được điều chỉnh giảm trên tờ khai bổ sung.
 - Cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phát hiện số tiền thuế phải nộp giảm hoặc có quyết định, thông báo giảm số tiền thuế phải nộp thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh giảm số tiền chậm nộp đã tính tương ứng.
- Cơ quan thuế thực hiện thông báo về việc người nộp thuế thuộc hoặc không thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần hoặc Điều ước quốc tế khác (khoản 1, Điều 64).
- Thông tư quy định cụ thể về nội dung cần dịch và trường hợp cần hợp pháp hóa lãnh sự của hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (Điều 85).
- Thông tư quy định NNT là đối tượng cư trú của Việt Nam có thể đề nghị áp dụng thủ tục thỏa thuận song phương với cơ quan thuế Việt Nam khi nhận thấy việc giải quyết của cơ quan thuế nước ngoài đã hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (Khoản 4, Điều 62)

5. Thương mại điện tử (Chương IX)

- Nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN) có thể: (1) trực tiếp đăng ký, kê khai và nộp thuế; hoặc (2) ủy quyền cho tổ chức, đại lý thuế hoạt động theo pháp luật Việt Nam đăng ký, kê khai và nộp thuế hộ. Trường hợp NCCNN không trực tiếp hoặc ủy quyền đăng ký, kê khai, nộp thuế như trên:
 - Tổ chức được thành lập và hoạt động/đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam mua hàng hóa, dịch vụ của NCCNN hoặc thực hiện phân phối hàng hoá, cung cấp dịch vụ thay cho NCCNN thì tổ chức đó có nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho NCCNN theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC.
 - Cá nhân có mua hàng hóa, dịch vụ của NCCNN thì ngân hàng thương mại (NHTM), tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (TCCUDVTGTT) có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay chậm nhất ngày 20 hàng tháng.
- Nguyên tắc xác định doanh thu phát sinh tại Việt Nam để kê khai, tính thuế: các loại thông tin sau được sử dụng để xác định giao dịch của tổ chức, cá nhân mua hàng hoá, dịch vụ phát sinh tại Việt Nam:
 - 1) Thông tin liên quan đến việc thanh toán của tổ chức, cá nhân tại VN, như thông tin về thẻ tín dụng dựa trên số nhận dạng ngân hàng (BIN), thông tin tài khoản ngân hàng hoặc các thông tin tương tự.
 - 2) Thông tin về tình trạng cư trú của tổ chức (cá nhân) tại Việt Nam (thông tin địa chỉ thanh toán, địa chỉ giao hàng, địa chỉ nhà hoặc các thông tin tương tự mà tổ chức (cá nhân) mua hàng khai báo với nhà cung cấp ở nước ngoài).
 - 3) Thông tin về truy cập của tổ chức (cá nhân) tại Việt Nam, như thông tin về mã vùng điện thoại quốc gia của thẻ SIM, địa chỉ IP, vị trí đường dây điện thoại cố định hoặc các thông tin tương tự của tổ chức, cá nhân mua hàng.

Nguyên tắc: *Sử dụng hai thông tin không mâu thuẫn của (1) và (2) hoặc (1) và (3). Nếu (1) không có hoặc bị mâu thuẫn với hai thông tin còn lại, thì sử dụng 2 thông tin (2) và (3) nếu không mâu thuẫn.*

- NCCNN nộp thuế GTGT, TNDN theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT và TNDN trên doanh thu theo quy định tại Nghị định 209/2013/NĐ-CP và Nghị định 218/2013/NĐ-CP. Nếu không xác định được loại hàng hoá, dịch vụ của từng giao dịch thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT, thuế TNDN theo tỷ lệ cao nhất.
- Với NCCNN trực tiếp đăng ký, kê khai và nộp thuế, quy định tại thông tư này được thực hiện kể từ thời điểm có thông báo của Tổng cục Thuế về hệ thống đăng ký, kê khai, nộp thuế trên Cổng Thông tin điện tử đi vào hoạt động.
- Cá nhân có mua hàng hóa, dịch vụ của NCCNN có thanh toán bằng thẻ hoặc các hình thức khác mà NHTM, TCCUDVTGTT không thể thực hiện khấu trừ, nộp thay thì NHTM, TCCUDVTGTT có trách nhiệm theo dõi số tiền chuyển cho các NCCNN và định kỳ ngày thứ 10 (mười) hàng tháng gửi về Tổng cục Thuế theo mẫu.

6. Hiệu lực (Điều 87)

- Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2022.
- Mẫu biểu hồ sơ khai thuế quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với các kỳ tính thuế bắt đầu từ ngày 1/1/2022 trở đi. Đối với khai quyết toán thuế của kỳ tính thuế năm 2021 cũng được áp dụng theo biểu mẫu hồ sơ quy định tại thông tư này.
- Số tiền thuế nộp thừa, tiền chậm nộp nộp thừa, tiền phạt nộp thừa thuộc trường hợp không hoàn trả phát sinh trước thời điểm thông tư có hiệu lực sẽ được xử lý theo quy định tại thông tư này.
- Trong các thông tư bị bãi bỏ bởi thông tư này có: (1) Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính; (2) Thông tư số 71/2010/TT-BTC hướng dẫn ấn định thuế đối với cơ sở kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy

Liên hệ

Tài liệu này nhằm đưa đến cho quý vị những thông tin tổng quát về một số vấn đề đang được quan tâm, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, xin quý vị vui lòng liên hệ với chuyên gia của **FAC**.

Hãy trao đổi với chúng tôi các vấn đề của bạn và tìm hiểu rõ hơn về chúng tôi bằng cách truy cập trang web <http://kiemtoan.net.vn>